

Số: ~~137~~/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày ~~30~~ tháng ~~12~~ năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được giao cho doanh nghiệp theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được giao cho doanh nghiệp theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là tài sản cố định và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý được giao cho doanh nghiệp theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các trường hợp:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (sau đây gọi là Nghị định số 287/2025/NĐ-CP).

b) Xác định tuổi thọ tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản, bảo trì tài sản.

c) Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để thực hiện khai

thác, xử lý tài sản.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thì thực hiện mở sổ theo dõi là công cụ, dụng cụ theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng không dân dụng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan thực hiện chức năng tham mưu và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành về hàng không dân dụng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để thực hiện nhiệm vụ trực tiếp khai thác kết cấu hạ tầng sân bay và các công trình thiết yếu khác của cảng hàng không, sân bay quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng).

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không và kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định nguyên giá, giá trị còn lại, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này gồm:

1. Hệ thống đường cất hạ cánh.

2. Hệ thống đường lăn.

3. Sân đỗ tàu bay.

4. Đường công vụ khu bay, gồm: Đường giao thông nội bộ sân bay, đường công vụ ra vào các khu vực đài/trạm, đường tuần tra an ninh.

5. Công trình phục vụ bảo đảm khẩn nguy sân bay, gồm: Bốt gác/chốt gác/vòng gác, cổng/cửa, rào chắn ra vào khu bay; hàng rào khu bay; hệ thống chiếu sáng cho đường công vụ, đường tuần tra, tường rào và các khu vực gác.

6. Hệ thống thông tin tín hiệu bay, gồm:

a) Hệ thống thiết bị hạ cánh chính xác (ILS/DME): Anten, thiết bị thu phát tín hiệu cho hệ thống ILS, hệ thống máy chủ, cáp điện điều khiển, máy phát điện.

b) Hệ thống đài dẫn đường NDB bao gồm: Anten, máy dẫn đường, máy thu phát, máy ghi âm, cáp điện.

c) Hệ thống đèn: Đèn tiếp cận, đèn chỉ hướng hạ cánh, đèn tín hiệu gồm cả cáp điện.

d) Hệ thống biển báo khu bay.

7. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khác, gồm:

- a) Hệ thống thoát nước sử dụng cho đường lăn, đường cất hạ cánh (như: Mương, rãnh, cống...).
- b) Hệ thống cấp điện sử dụng cho đèn, đài, trạm.
- c) Hệ thống thiết bị phục vụ cho khu bay, như: Máy phát điện, máy biến áp, trạm/máy biến thế, máy điều dòng, đường dây điện, bộ lưu điện, tủ điện.
- d) Hệ thống chống sét.
- đ) Trạm điện sử dụng cho các đài/trạm, trạm điện sử dụng cho khu bay, trạm biến áp/hạ thế sử dụng cho khu bay.
- e) Nhà làm việc, nhà đặt thiết bị, nhà để trang thiết bị, nhà bảo vệ, nhà kho chứa các hệ thống đài, đèn.
- g) Phần mềm điều khiển thiết bị/đèn sử dụng cho khu bay.
- h) Phương tiện phục vụ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (như: Xe cất cỏ, xe quét đường...).
- i) Thiết bị phục vụ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (như: Máy tẩy vệt sơn, dàn cất cỏ...).

Điều 4. Tiêu chuẩn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không xác định là tài sản cố định

1. Xác định tài sản kết cấu hạ tầng hàng không:

- a) Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản.
- b) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản.
- c) Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều đối tượng quản lý thì phần tài sản được giao cho từng đối tượng là một tài sản.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.
- b) Có nguyên giá từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Điều 5. Nguyên tắc và trách nhiệm quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng không của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng.

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại các Điều 3, Điều 4 Thông tư này phải được lập hồ sơ tài sản để quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan. Các chỉ tiêu về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không xác định là tài sản cố định là số nguyên; trường hợp kết quả xác định các chỉ tiêu này là số thập phân thì được làm tròn theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Mỗi tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại Điều 4 Thông tư này là một đối tượng ghi sổ kế toán. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phải được phản ánh đầy đủ thông tin về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài

sản trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn theo quy định thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này cho đến khi được xử lý theo quy định.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và không phải tính hao mòn.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã tính đủ hao mòn nhưng sau đó thuộc trường hợp thay đổi nguyên giá theo quy định tại Điều 7 Thông tư này thì phải tính hao mòn theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

5. Trường hợp sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì trong thời gian bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng có trách nhiệm:

a) Theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

b) Không thực hiện tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này mà tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp nhận lại tài sản theo quy định, xác định lại giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 6, Điều 12 Thông tư này để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Nghị định số 287/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

6. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng, các đối tượng khác có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư này có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao quản lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành; thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định của pháp luật; bảo đảm số liệu tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trên sổ kế toán phù hợp với số liệu báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không. Trường hợp số liệu tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trên sổ kế toán khác với số liệu báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thì phải chuẩn xác số liệu để cập nhật cho phù hợp.

b) Thực hiện kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng hàng không định kỳ hằng năm; thực hiện tổng kiểm kê tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền, thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê nhằm đảm bảo số liệu trên sổ kế toán và số liệu thực tế của tài

sản khớp đúng.

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

Chương III

NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN, GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 6. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 287/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài sản} \\ \text{kết cấu hạ} \\ \text{tầng hàng} \\ \text{không do} \\ \text{mua sắm} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản chiết} \\ \text{khấu thương mại} \\ \text{hoặc giảm giá} \\ \text{hoặc phạt người} \\ \text{bán (nếu có)} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí sửa} \\ \text{chữa, cải tạo,} \\ \text{nâng cấp, chi} \\ \text{phí lắp đặt,} \\ \text{chạy thử} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế (không} \\ \text{bao gồm các khoản} \\ \text{thuế được khấu trừ,} \\ \text{hoàn lại); các khoản} \\ \text{phí, lệ phí theo quy} \\ \text{định của pháp luật về} \\ \text{phí và lệ phí} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng hàng không mà cơ quan đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/ diện tích/giá trị ghi trên hóa đơn phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)...).

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hình thành từ đầu tư xây dựng mới, hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 287/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nguyên giá được xác định là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Một số trường hợp đặc biệt được quy định như sau:

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện ghi sổ kế toán tài sản kể từ ngày bàn giao đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

Giá trị thẩm định quyết toán;

Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán;

Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B);

Giá trị dự toán dự án được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp tổng mức đầu tư được điều chỉnh).

Khi sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán, trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư theo thẩm định quyết toán, đề nghị quyết toán, theo Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B) hoặc theo tổng mức đầu tư, dự toán dự án là giá trị chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá tạm tính của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng, dự toán chi tiết,...); trường hợp sử dụng Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B) để làm căn cứ xác định nguyên giá tạm tính thì sử dụng giá trị được xác định tại bảng tính gần nhất (đối với một hạng mục) hoặc tổng giá trị các bảng tính (đối với nhiều hạng mục).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

b) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau nhưng không dự toán riêng, không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/dự toán chi tiết...).

Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau, có dự toán riêng nhưng không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ tại dự toán chi tiết đối với từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán.

c) Đối với dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau mà được đầu tư, nghiệm thu theo từng hạng mục, tài sản thì hạng mục, tài sản nào đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng phải ghi sổ kế toán đối với hạng mục, tài sản đó kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính theo quy định tại điểm a khoản này.

Khi quyết toán dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán, điều chỉnh sổ kế toán (đối với hạng mục, tài sản đã ghi sổ kế toán) theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/dự toán chi tiết...).

d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm toán thì doanh

nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Trường hợp trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại Điều 3 Thông tư này) thì phải loại trừ phần giá trị đầu tư vào tài sản khác trong giá trị quyết toán của dự án khi xác định nguyên giá tài sản.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 287/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Nguyên giá tài sản} & & \text{Nguyên giá} & & \text{Chi phí vận chuyển,} & & \text{Các khoản phí,} & & \text{Chi} \\ \text{kết cấu hạ tầng} & & \text{ghi trên Biên} & & \text{bốc dỡ, chi phí sửa} & & \text{lệ phí theo quy} & & \text{phí} \\ \text{hàng không được} & = & \text{bản bàn giao,} & + & \text{chữa, cải tạo, nâng} & + & \text{định của pháp} & + & \text{khác} \\ \text{giao, điều chuyển} & & \text{tiếp nhận tài} & & \text{cấp, chi phí lắp đặt,} & & \text{luật về phí và} & & \text{(nếu} \\ & & \text{sản} & & \text{chạy thử} & & \text{lệ phí} & & \text{có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan, đơn vị có tài sản giao, điều chuyển.

a2) Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản, cơ quan, đơn vị có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản. Trong đó:

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển (là tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đang giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển do các đối tượng không phải là doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định

tại điểm a3 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá đề ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên} \\ \text{Biên bản bàn giao,} \\ \text{tiếp nhận tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây} \\ \text{dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương} \\ \text{đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá xây} \\ \text{dựng} \\ \text{mới của} \\ \text{tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá xây dựng mới của tài sản có} \\ \text{tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ} \\ \text{quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc} \\ \text{theo quy định cụ thể của địa phương nơi} \\ \text{có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài} \\ \text{sản vào sử dụng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích, thể} \\ \text{tích xây} \\ \text{dựng/ Số} \\ \text{lượng/tiêu chí} \\ \text{khác (nếu có)} \\ \text{của tài sản} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị của các kết cấu khác gắn với công} \\ \text{trình/hạng mục công trình (như: trần,} \\ \text{sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác định theo} \\ \text{quy định của Bộ quản lý chuyên ngành} \\ \text{(hoặc theo quy định cụ thể của địa} \\ \text{phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa} \\ \text{tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại điểm a3, điểm a4 khoản này thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản làm căn cứ xác định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao, được điều chuyển mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng không thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/ diện tích/ giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo quy định tại Chương II Nghị định số 287/2025/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng phối hợp với đối tượng đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong quá trình sử dụng

thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, nguyên giá của tài sản được xác định tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp nhận lại sau khi hết thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản là giá trị tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của Chính phủ về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trong trường hợp tài sản phải xác lập quyền sở hữu toàn dân; trong trường hợp tài sản không phải xác lập quyền sở hữu toàn dân thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại nguyên giá của tài sản.

6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Các trường hợp thay đổi (điều chỉnh) nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khi thực hiện Tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có và trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng).

3. Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không.

4. Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình kết cấu hạ tầng hàng không.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không bị mất một phần hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì hạ tầng hàng không hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

Điều 8. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản

Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này, doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thực hiện lập biên bản ghi rõ lý do (trường hợp) thay đổi

nguyên giá; đồng thời xác định lại chỉ tiêu nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không làm cơ sở xác định mức hao mòn, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện việc quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này.

Việc xác định lại nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đối với các trường hợp thay đổi nguyên giá quy định tại Điều 7 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định lại theo hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền về kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được xác định tương tự quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có và trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thì phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là phần giá trị đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với trường hợp tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán trừ (-) phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tháo dỡ cộng (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tháo dỡ mà doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc tháo dỡ, trừ việc tháo dỡ để thay thế khi thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Trong đó, phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tháo dỡ được xác định như sau:

a) Trường hợp có hồ sơ xác định giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tháo dỡ thì phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ được xác định theo giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản tháo dỡ.

b) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nhưng phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cho bộ phận tài sản tháo dỡ theo tiêu chí phù hợp (như: số lượng, khối lượng, giá mua, dự toán, tiêu chí khác...) thì phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tháo

dữ được xác định theo giá trị phân bổ.

c) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này và không phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không cho bộ phận tài sản tháo dỡ quy định tại điểm b khoản này thì xác định phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ là giá mua mới của bộ phận tài sản đó trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp không xác định được giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tháo dỡ trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không tháo dỡ làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản sau khi tháo dỡ.

4. Đối với trường hợp lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt mà doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc lắp đặt, trừ việc lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản để thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

Trong đó, phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng không là giá trị tương ứng của bộ phận tài sản được lắp đặt thêm xác định theo các trường hợp tương ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này.

5. Đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này thì doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (bao gồm cả chi phí thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản) phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư này đối với tài sản bị thiệt hại để ghi trên biên bản xác định việc thay đổi nguyên giá. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong trường hợp này được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng không} \\ \text{tăng hàng không} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản theo đánh giá lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này (năm)} \\ \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại (năm)} \end{array}}$$

6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Nguyên tắc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao cho doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này phải tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng không phải tính hao mòn đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không chưa tính hết hao mòn nhưng đã bị hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng được.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn còn sử dụng được.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không trong thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này.

3. Việc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được thực hiện mỗi năm một lần vào ngày 31 tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán.

Điều 10. Danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (trừ thời gian tính hao mòn tài sản đối với các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này) theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã tính hao mòn của tài sản trước khi thay đổi nguyên giá cộng (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, cải tạo, mở rộng.

Trong đó, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, cải tạo, mở rộng được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, cải tạo, mở rộng} = \left[\begin{array}{l} \text{Nguyên giá của tài sản sau khi thay đổi do nâng cấp, cải tạo, mở rộng} \\ \text{Số hao mòn lũy kế của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của năm thay đổi nguyên giá} \end{array} \right] : \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản từ năm thay đổi nguyên giá xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này} \end{array}$$

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã tính hao mòn của tài sản trước khi thay đổi nguyên giá (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không có điều chỉnh, thay đổi nguyên giá theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 6, khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư này:

a) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá chưa hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì thời gian tính hao mòn của tài sản được tính đến năm mà giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của

năm trước liền kề nhỏ hơn hoặc bằng mức hao mòn hàng năm của tài sản.

b) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá đã hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì cộng thêm 01 năm vào thời gian tính hao mòn (năm phát sinh việc điều chỉnh, thay đổi nguyên giá) để xử lý phần giá trị tăng, giảm do điều chỉnh, thay đổi nguyên giá.

Điều 11. Phương pháp tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

1. Mức hao mòn hàng năm của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định theo công thức:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản} = \text{Nguyên giá của tài sản} \times \text{Tỷ lệ hao mòn (\% năm)}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Thông tư này.

b) Tỷ lệ hao mòn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được giao, nhận điều chuyển quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng (năm doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng tiếp nhận tài sản hoặc năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức hao mòn của năm đầu tiên ghi sổ kế toán} = \text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này} \times \left[\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại theo quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này (năm)} \\ \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo quy định hoặc thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại (năm)} \end{array} \right]$$

3. Số hao mòn lũy kế của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được tính theo công thức:

$$\text{Số hao mòn lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm (n)} = \text{Số hao mòn lũy kế tính đến ngày 31 tháng 12 năm (n-1)} + \text{Số hao mòn tài sản tăng trong năm (n)} - \text{Số hao mòn tài sản giảm trong năm (n)}$$

4. Số hao mòn tài sản cho năm cuối cùng của thời gian tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 12. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng không để ghi sổ kế toán được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm (n)} = \text{Nguyên giá của tài sản} - \text{Số hao mòn lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm (n)}$$

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không được đánh giá lại theo quy định tại khoản 5 Điều 6, khoản 5 Điều 8 Thông tư này thì giá trị còn lại của tài sản là giá trị của tài sản sau khi đánh giá lại.

Chương IV

KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

Điều 13. Mẫu báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Mẫu báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo kê khai lần đầu theo Mẫu số 01A quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có tại thời điểm Nghị định số 287/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không).

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không phát sinh kể từ ngày Nghị định số 287/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

2. Báo cáo kê khai bổ sung theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng hoặc thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã báo cáo kê khai lần đầu.

Điều 14. Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo Mẫu số 02A quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo Mẫu số 02B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có trước ngày Nghị định số 287/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đã được xác định giá trị để ghi sổ kế toán theo quy định tại Nghị định số 44/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì sử dụng giá trị đã xác định để ghi sổ kế toán.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hiện có trước ngày Nghị định số 287/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa xác định giá trị để ghi sổ kế toán, chưa tính hao mòn cho các năm đã sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định số 44/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì việc xác định giá trị tài sản, tính hao mòn lũy kế cho các năm đã sử dụng tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã được theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi mà thời gian để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này thay đổi so với quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 75/2018/TT-BTC thì từ năm tài chính 2026 thực hiện xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng năm} \\ \text{của tài sản} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo sổ kế toán} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)} \end{array}}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản (năm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của tài} \\ \text{sản cùng loại theo quy định (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian đã sử dụng} \\ \text{của tài sản (năm)} \end{array}$$

Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Riêng mức hao mòn tài sản cho năm cuối cùng thuộc thời gian để tính hao mòn của tài sản được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó.

Trường hợp tài sản đã hết thời gian tính hao mòn theo quy định, nhưng tài sản vẫn còn giá trị còn lại thì mức hao mòn của năm 2026 bằng giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không đã được theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC mà không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định tại

Thông tư này thì từ năm tài chính 2026 thực hiện điều chỉnh loại khỏi danh mục tài sản cố định và mở sổ theo dõi riêng, không thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2026 và được áp dụng từ năm tài chính 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS. (396) Kz

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Thành Trung

Phụ lục I

DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Thông tư số **137**/2025/TT-BTC ngày **30** tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
1	Hệ thống đường cất hạ cánh	5	20
2	Hệ thống đường lăn	5	20
3	Sân đỗ tàu bay	5	20
4	Đường công vụ khu bay (gồm: Đường giao thông nội bộ sân bay, đường công vụ ra vào các khu vực đài/trạm, đường tuần tra an ninh)	5	20
5	Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay		
5.1	Bốt gác/chốt gác/vọng gác, cổng/cửa, rào chắn ra vào khu bay	5	20
5.2	Hàng rào khu bay	5	20
5.3	Hệ thống chiếu sáng cho đường công vụ, đường tuần tra, tường rào và các khu vực gác	5	20
6	Hệ thống thông tin, tín hiệu bay		
6.1	Hệ thống thiết bị hạ cánh chính xác (ILS/DME): Anten, thiết bị thu phát tín hiệu cho hệ thống ILS, hệ thống máy chủ, cáp điện điều khiển, máy phát điện	5	20
6.2	Hệ thống đài dẫn đường NDB bao gồm: Anten, máy dẫn đường, máy thu phát, máy ghi âm, cáp điện	5	20
6.3	Hệ thống đèn: Đèn tiếp cận, đèn chỉ hướng hạ cánh, đèn tín hiệu gồm cả cáp điện	5	20
6.4	Hệ thống biển báo khu bay	5	20
7	Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khác		
7.1	Hệ thống thoát nước sử dụng cho đường lăn, đường cất hạ cánh (mương, rãnh, cống...)	5	20
7.2	Hệ thống cáp điện sử dụng cho đèn, đài, trạm	7	14

7.3	Hệ thống thiết bị phục vụ cho khu bay: Máy phát điện, máy biến áp, trạm/máy biến thế, máy điều dòng, đường dây điện, bộ lưu điện, tủ điện	7	14
7.4	Hệ thống chống sét	5	20
7.5	Trạm điện sử dụng cho các đài/trạm, trạm điện sử dụng cho khu bay, trạm biến áp/hạ thế sử dụng cho khu bay	6	17
7.6	Nhà làm việc, nhà đặt thiết bị, nhà để trang thiết bị, nhà bảo vệ, nhà kho chứa các hệ thống đài, đèn	6	17
7.7	Phần mềm điều khiển thiết bị/đèn sử dụng cho khu bay	3	33
7.8	Phương tiện phục vụ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (như: Xe cắt cỏ, xe quét đường...)	6	17
7.9	Thiết bị phục vụ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không (như: Máy tẩy vệt sơn, dàn cắt cỏ ...)	5	20

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số ~~137~~ /2025/TT-BTC ngày ~~30~~ tháng ~~12~~ năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 01A	Báo cáo kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.
Mẫu số 01B	Báo cáo kê khai bổ sung thông tin tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.
Mẫu số 01C	Báo cáo kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.
Mẫu số 02A	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.
Mẫu số 02B	Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không.

BỘ
TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH
Khai thác cảng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng:.....
Địa chỉ: Thôn/Tổ..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố.....
Loại hình doanh nghiệp:

B. Thông tin về người lập biểu:

Họ và tên: Điện thoại liên hệ: Email:

C. Thông tin về tài sản

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Thông số cơ bản (Số lượng/Khối lượng/Chiều dài...)	Diện tích (m2)		Giá trị tài sản (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản		Ghi chú
					Đất	Sân sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH,
Khai thác cảng
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.
- Cột (4): Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi N/A.
- Cột (7): Diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Cột (8): Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này.

BỘ ...
TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH
KHAI THÁC CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kê khai bổ sung thông tin

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng:.....

Địa chỉ: Thôn/Tổ..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố

B. Thông tin thay đổi

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Về đối tượng quản lý tài sản						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
II. Về tài sản						
1	Thông số cơ bản (Số lượng/Khối lượng/Chiều dài...)					
2	Diện tích đất (m ²)					
3	Diện tích sàn sử dụng nhà (m ²)					
4	Năm đưa vào sử dụng					
5	Nguyên giá (đồng)					
6	Giá trị còn lại (đồng)					
7	Tình trạng sử dụng của tài sản					
8	Phương thức khai thác tài sản					
9	Thông tin khác					

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH
KHAI THÁC CẢNG**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01B:

- Cột (3) Thông tin đã kê khai: Là thông tin tại Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư này.

BỘ ...
TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH,
Khai thác cảng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng không
Kỳ báo cáo

ST T	DN quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chiều dài/ Diện tích/ Khối lượng	Diện tích (m2)		Giá trị tài sản (đồng)		Hình thức xử lý tài sản						Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sản sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Thanh lý	Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Khác	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng																

....., ngày ... tháng ... năm
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
Hàng không (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH,
Khai thác cảng
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ
TÊN DOANH NGHIỆP KINH DOANH,
KHAI THÁC CẢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không
(Phương thức tự khai thác)

A. Thông tin về đối tượng báo cáo

Tên doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng:

B. Thông tin về tình hình khai thác tài sản

STT	Danh mục tài sản	Quản lý, sử dụng số tiền thu được (đồng)					Ghi chú
		Tổng số tiền đã thu	Chi phí có liên quan			Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
			Chi phí khai thác	Chi bảo trì được ứng cho tình huống cấp bách	Chi khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
CẤP TRÊN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH,
KHAI THÁC CẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Cột (1): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này
- Cột (4), (5), (6): Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 287/2025/NĐ-CP